TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/10/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Châu
2/ Ông Lê Văn Ký

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX - ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L Thị M- Sinh năm: 1995

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L- Sinh năm: 1991

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị M và anh L (Chị M có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị L Thị M trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu tổ chức cưới và được Uỷ ban nhân dân xã Hà Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

anh L hay đánh đập chị. Từ tháng 3/2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:*Vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Thị Quỳnh Nh - Sinh ngày: 31/10/2014. Nguyện vọng của chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản:*Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã triệu tập anh L và đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan theo đúng quy định đối với anh Nguyễn Văn L (mẹ đẻ anh L là bà Trần Thị H nhận hộ và cam kết sẽ giao lại văn bản tố tụng cho anh L) nhưng anh không đến làm việc nên không có lời khai thể hiện nguyện vọng của anh L.

* Theo đơn đề nghị ngày 01/10/2018 của bà Trần Thị H là mẹ đẻ anh L cho biết: Anh L và chị M là vợ chồng cưới nhau tự nguyện và được UBND xã Hà Giang cấp giấy kết hôn năm 2013, từ tháng 3/2014 vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 31/10/2014 hiện nay đang ở với chị M. Vợ chồng sống chung với gia đình bà nên không có tài sản gì. Do anh L hiện đi làm và anh có nguyện vọng không đến Tòa án làm việc, mọi văn bản giấy tờ giao cho gia đình và anh sẽ nhận lại, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị M nuôi, không cấp dưỡng, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay anh L tiếp tục vắng mặt; chị L Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị L Thị M và bị đơn là anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không lý do. Do vậy căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt chị M và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị L Thị M và anh Nguyễn Văn L kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị M vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L đánh chị và từ tháng 3/2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm

đến nhau. Đối với anh L không có mặt tại Tòa án để làm việc, đây thể hiện anh không quan tâm và còn tình cảm với chị M. Ngoài ra theo bà Hinh là mẹ anh L cho biết vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2014 đến nay, nguyện vọng của anh cũng xin được ly hôn.

Xét thấy, chị M thực sự không còn tình cảm với anh L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án, khi Tòa án mở phiên tòa anh cũng không có mặt. Đến nay chị M vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị M đã thực sự không còn tình cảm với anh L. Do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị và căn cứ Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho chị M được ly hôn anh L là phù hợp.

[2] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2014. Ly hôn chị M đề nghị được nuôi con. Chị M đã xuất trình bản sao giấy khai sinh của cháu Như và có ghi họ tên mẹ là L Thị M và bố là Nguyễn Văn L; Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Như là con chung của chị M và anh L.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay anh L không quan tâm đến gia đình và từ trước đến nay cháu vẫn ở với chị và là con gái, nên cần có sự chăm sóc của mẹ sẽ tốt và đảm bảo hơn về tâm sinh lý của cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu Quỳnh Nh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng, chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị và mức thu nhập của chị cũng đủ cho việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L Thị M là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị M phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị L Thị M và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2014 cho chị L Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị M.

Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000344 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị M đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Giang (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Ngọc Tuấn